

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HS-PT**
Ngày: 11/05/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Chuyển

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Mạnh

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Văn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Trương Công B do có kháng cáo của bị cáo Trương Công B và bị hại Võ Thị Mỹ T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

Trương Công B; tên thường gọi: Không; sinh ngày 21 tháng 7 năm 1979 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: K5xx/Hxx/x đường K, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: K3xx/Hxxx/x đường H, tổ 3x phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công T (*chết*) và bà Phạm Thị T (*còn sống*). Có vợ là Nguyễn Quang T và có 03 con (*con lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2013*). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại có đơn kháng cáo: Bà Võ Thị Mỹ T - sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ x thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Quang T - sinh năm

1978; Địa chỉ: K3xx/Hxx/x đường H, tổ 3x phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 20/9/2020, Trương Công B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ đen, BKS 43M1-74xx đi trên đường Z, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng theo hướng từ cầu T về cầu L. Khi đi đến đoạn đường trước rạp chiếu phim M, phát hiện ông Phan Minh H điều khiển xe mô tô BKS 43G1-089.xx chở sau con gái và vợ là bà Võ Thị Mỹ T đi cùng chiều, có đeo sợi dây chuyền trên cổ, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS 43M1-74xx vượt lên phía bên phải, áp sát và dùng tay trái giật sợi dây chuyền bằng vàng Tây dài 45cm và 01(một) mặt dây chuyền của bà T. B tăng ga bỏ chạy rồi mang sợi dây chuyền về cất trong tủ quần áo tại nhà. Ngày 22.9.2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mời đến làm việc, B đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và giao nộp sợi dây chuyền.

Theo kết luận định giá tài sản số 194/KL-HĐĐG ngày 12/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kết luận: Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.292.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm chín hai ngàn đồng*).

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số: 23/2021/HSST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Công B phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Công B: 04 (*bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phân biện pháp tư pháp, phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo bản án.

Ngày 25/2/2021, bị cáo Trương Công B có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 04/3/2021, bị hại Võ Thị Mỹ T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Công B, bị hại Võ Thị Mỹ T (*có đơn xin xét xử vắng mặt*) giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Công B và bị hại Võ Thị Mỹ T theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trương Công B và bị hại Võ Thị Mỹ T thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2021/HS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo B về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bị cáo Trương Công B tuy có tác động gia đình bồi thường cho chị T (*người bị hại*) số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) về giá trị mất dây chuyền bị mất, đồng thời chị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, với mức hình phạt 04 (*bốn*) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B và kháng cáo của bị hại chị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị hại chị Võ Thị Mỹ T sau khi xét xử sơ thẩm có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B. Tuy nhiên, ngày 07/5/2021 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 BLTTHS Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Công B khai nhận: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 20/9/2020 trên đường Z đoạn trước rạp chiếu phim M, bị cáo có thực hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS số: 43M1-74xx cướp giật 01 (*một*) sợi dây chuyền bằng vàng Tây của bà Võ Thị Mỹ T với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.292.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn đồng*) như nội dung bản án sơ thẩm đã kết luận. Vì vậy, bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS -ST ngày 23/2/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 04 (*bốn*) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo cho rằng do nhất thời phạm tội, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, sau khi vụ việc bị phát hiện bị cáo đã giao nộp tài sản trả lại cho bị hại, bị cáo đã biết ăn năn, hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vì vậy, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho

bị cáo một phần hình phạt để bị cáo có thời gian chấp hành hình phạt ngắn hơn, học tập cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

Bị hại chị Võ Thị Mỹ T tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị có nguyện vọng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trương Công B và bị hại Võ Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Với thủ đoạn dùng phương tiện xe máy (*mô tô*) để thực hiện hành vi cướp giật, chiếm đoạt của chị T 01 (*một*) sợi dây chuyền vàng Tây trị giá 4.292.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn đồng*) là thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 23/2/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời còn gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy rằng mức hình phạt 04 (*bốn*) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị tại cấp sơ thẩm. Bởi lẽ: Bị cáo phạm tội lần đầu, và là nhất thời phạm tội, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, có 03 con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có ông nội, chú ruột là Liệt sĩ, bà nội được Nhà nước phong tặng “*Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng*”, cha bị cáo được tặng “*Huân chương kháng chiến hạng nhất*”,... Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho chị T (*người bị hại*) số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) là giá trị mặt dây chuyền bị mất không thu hồi được, chị T (*người bị hại*) có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ bổ sung tình tiết giảm nhẹ này để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4]. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Công B và bị hại Võ Thị Mỹ T, sửa Bản án sơ thẩm.

1. **Căn cứ:** Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trương Công B: 03 (ba) năm, 03 (ba) tháng** tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị bắt 22/9/2020.

2. **Về án phí:** Bị cáo Trương Công B không phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu;
- Toà án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Nhà tạm giữ CAQ Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyển